

BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI LÀ TRẺ EM TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ QUA CÔNG TÁC XÃ HỘI

■ ThS. NGÔ THỊ VÂN ANH*

Tóm tắt: Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích vai trò của công tác xã hội đối với việc bảo đảm quyền của bị hại là trẻ em trong vụ án hình sự và quy định của pháp luật hiện hành; phân tích hạn chế, bất cập và đề xuất phương hướng hoàn thiện pháp luật về công tác xã hội để bảo đảm tốt nhất quyền của bị hại là trẻ em trong vụ án hình sự.

Từ khóa: Công tác xã hội; trẻ em; bị hại; vụ án hình sự; quyền trẻ em.

Abstract: In this article, the author focuses on analyzing the role of social work in ensuring the rights of child victims in criminal cases and current legal regulations; analyzes limitations and shortcomings and proposes directions to improve the law on social work to best ensure the rights of child victims in criminal cases.

Keywords: Social work; children; victim; criminal case; children's rights.

1. Vai trò của công tác xã hội đối với việc bảo đảm quyền của bị hại là trẻ em trong vụ án hình sự

Công tác xã hội là một hoạt động mang tính chuyên môn được sử dụng để giúp đỡ các cá nhân, nhóm hay cộng đồng nhằm tăng cường hoặc khôi phục năng lực thực hiện những chức năng xã hội của họ và tạo điều kiện thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu ấy¹. Công tác xã hội có phạm vi tác động rất rộng, liên quan đến mọi tầng lớp dân cư, mọi tổ chức, mọi lĩnh vực trong xã hội. Vì vậy, đây là hoạt động luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

Trong lĩnh vực tư pháp nói chung, công tác xã hội có thể hiểu là những hoạt động chuyên nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề của cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội trong các hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp như: Bỏ trợ tư pháp, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, góp phần bảo đảm thực hiện quyền con người, công bằng, tiến bộ. Xét về bản chất, công tác xã hội trong lĩnh vực tư pháp là hoạt động nhằm

hỗ trợ, giúp đỡ những người vi phạm pháp luật, người phạm tội, người bị hại, người bị kết án, người trong quá trình chấp hành án phạt và đã chấp hành xong hình phạt; người cần cấp dưỡng trong các vụ việc ly hôn; người đòi trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn trong các vụ việc về lao động, việc làm... có hoàn cảnh khó khăn, những người yếu thế (người cao tuổi, người khuyết tật, người dưới 18 tuổi, người có HIV, người không nơi nương tựa...) có liên quan đến hệ thống tư pháp được sớm tiếp cận với hệ thống tư pháp công bằng, minh bạch, bình đẳng, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp². Trong tư pháp hình sự nói riêng, công tác xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm quyền của nhóm người tham gia tố tụng là trẻ em. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, trẻ em là người dưới 16 tuổi (Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016). Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất

ng nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này” (Điều 12). Như vậy, trong vụ án hình sự, trẻ em có thể là người bị thiệt hại hoặc cũng có thể là người đã gây ra thiệt hại. Dù là bị hại hay người bị buộc tội thì trẻ em cũng cần được đối xử công bằng như nhau bởi chính sách pháp luật, việc áp dụng pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và sự hỗ trợ cần thiết, kịp thời. Một vụ án hình sự có được giải quyết triệt để, đúng người, đúng tội hay không, công tác xã hội đóng một vai trò quan trọng.

Vai trò của công tác xã hội đối với việc bảo đảm quyền của bị hại là trẻ em trong vụ án hình sự được thể hiện thông qua các nội dung sau:

Thứ nhất, trẻ em là người bị xâm hại, cho dù là xâm hại về tinh thần hay thể chất đều sẽ gặp phải những sang chấn nghiêm trọng, sang chấn này có thể được thể hiện qua cách ứng xử của trẻ hoặc không được thể hiện ra bên ngoài khi tương tác với trẻ. Tâm lý sợ hãi, bất ổn của trẻ ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng lời khai của trẻ trước cơ quan có thẩm quyền. Công tác xã hội sẽ cung cấp các dịch vụ can thiệp hoặc hỗ trợ trực tiếp, tham vấn để giải quyết các vấn đề tâm lý - xã hội, giúp trẻ em vượt qua rối loạn cảm xúc, bình tĩnh, chủ động được hành vi, từ đó, nâng cao năng lực, thúc đẩy khả năng tự giải quyết vấn đề của bị hại và gia đình. Trong một số trường hợp, người làm công tác xã hội có thể trực tiếp tham gia quá trình giải quyết vụ án hình sự với vai trò như một “chỗ dựa tâm lý” cho bị hại là trẻ em.

Thứ hai, công tác xã hội sẽ điều phối, kết nối, chuyển gửi trẻ em, gia đình của trẻ em cần sự hỗ trợ đến các dịch vụ và nguồn lực phù hợp. Mỗi đứa

trẻ sẽ có nhu cầu khác nhau, khả năng phản ứng cũng rất khác nhau khi trở thành bị hại trong vụ án hình sự. Sự khác nhau này được quyết định bởi độ tuổi, giới tính, tri thức, môi trường sinh sống và học tập... Chính vì vậy, nhiệm vụ của công tác xã hội là cung cấp đa dạng các dịch vụ hỗ trợ, chủ thể hỗ trợ, phương pháp hỗ trợ để chủ động nhận diện dịch vụ phù hợp cho từng trẻ em, đáp ứng nhu cầu để hoạt động hiệu quả.

Thứ ba, chú trọng tới việc nghiên cứu, xây dựng chính sách xã hội là căn cứ pháp lý quan trọng có tính ràng buộc đối với các mối quan hệ được hình thành trong công tác xã hội. Từ đó, giáo dục cộng đồng nâng cao ý thức, năng lực về giải quyết các vấn đề cá nhân, xã hội.

2. Thực trạng quy định của pháp luật về công tác xã hội đối với việc bảo đảm quyền của bị hại là trẻ em trong vụ án hình sự

2.1. Pháp luật tố tụng hình sự

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2021 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) quy định: Thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi bị hại dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án (khoản 1 Điều 420). Tùy từng trường hợp, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sẽ triệu tập đại diện nhà trường, tổ chức khác tham gia hoạt động lấy lời khai người bị hại là trẻ em khi cần thiết. Khi tham gia phiên tòa, các chủ thể này có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, phát biểu ý kiến, tranh luận, khiếu nại các hành vi tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quyết định của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là trẻ em.

Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 21/12/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi quy định: Đối với người bị hại dưới 18 tuổi không có gia đình, không có nơi cư trú ổn định, người bị hại dưới 18 tuổi bị xâm hại tình dục, bị bạo hành hoặc bị mua bán thì ngoài sự tham gia của người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể đề nghị cơ quan lao động - thương binh và xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Bảo vệ quyền trẻ em, Trung tâm Trợ giúp pháp lý, cơ quan, tổ chức khác nơi tiến hành tố tụng cử người tham gia tố tụng có hiểu biết về tâm lý học, có kinh nghiệm có mặt khi lấy lời khai hoặc tiến hành các hoạt động tố tụng khác đối với người bị hại là người dưới 18 tuổi để hỗ trợ cho họ khi có một trong hai điều kiện: (i) Có đề nghị của người bị hại hoặc người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; (ii) Khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xét thấy cần thiết (khoản 4 Điều 10).

Thông tư số 43/2021/TT-BCA ngày 22/4/2021 của Bộ Công an quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong việc thực hiện một số trình tự, thủ tục tố tụng hình sự thân thiện trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra vụ án xâm hại người dưới 18 tuổi quy định: Cơ quan điều tra có trách nhiệm bảo đảm việc tham gia tố tụng theo quy định của Bộ

luật Tố tụng hình sự năm 2015 của người đại diện, người giám hộ, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức khác. Cơ quan điều tra có trách nhiệm tạo điều kiện để bị hại là người dưới 18 tuổi nhận được sự trợ giúp chuyên môn về mặt y tế, sức khỏe, pháp lý, tâm lý phù hợp khi họ cần; bảo vệ bí mật thông tin cá nhân bị hại (khoản 2 Điều 18).

So với hướng dẫn của Liên Hợp quốc, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam đã có những quy định tiên bộ, đáp ứng yêu cầu của Liên Hợp quốc trong việc bảo đảm sự tham gia của các tổ chức xã hội khi vụ án hình sự có bị hại là trẻ em. Cụ thể, Liên Hợp quốc khuyến khích các quốc gia thành viên áp dụng cách tiếp cận đa ngành trong quá trình thẩm vấn bằng “mô hình hỗ trợ trẻ em” (child advocacy model). Nội dung quan trọng của mô hình này là phải bảo đảm sự có mặt của các chủ thể tiến hành hoạt động lấy lời khai, các chuyên gia về trẻ em, nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tinh thần cho trẻ em trong buổi thẩm vấn³. Mô hình này mang lại nhiều lợi ích cho bị hại là trẻ em, đảm bảo buổi lấy lời khai được thực hiện một cách đầy đủ, chính xác và hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến họ. Như vậy, những quy định trên đã khẳng định rất rõ vị trí, vai trò của các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Đây là các cơ quan, tổ chức hoặc là thường xuyên tiếp xúc với trẻ em hoặc là người đã được đào tạo, hiểu rõ tâm sinh lý của trẻ. Chính vì vậy, sự tham gia của các cơ quan, tổ chức này sẽ giúp chuẩn bị cho bị hại là trẻ em một tâm lý vững vàng, xóa bỏ sự sợ hãi, định kiến để sẵn sàng tham gia tố tụng hình sự. Trẻ em sẽ được bảo vệ để tránh khả năng một lần nữa trở thành nạn nhân của một hệ thống tư pháp không phù hợp với lứa tuổi, sự phát triển tâm sinh lý của trẻ.

2.2. Luật Trẻ em năm 2016 và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em

Luật Trẻ em năm 2016 và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (Nghị định số 56/2017/NĐ-CP) ghi nhận trẻ em bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, nhân thân trong vụ án hình sự được coi là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm: Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bạo lực, trẻ em bị bóc lột, bị xâm hại tình dục (bị hiếp dâm, bị cưỡng dâm, bị giao cấu, bị dâm ô, bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức) (Điều 10 Luật Trẻ em năm 2016). Khi rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, các em sẽ được pháp luật bảo vệ thông qua việc nghiêm cấm các hành vi: Tước đoạt quyền sống của trẻ em, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em. Nghiêm cấm những hành vi không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền... (Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016)

Bên cạnh đó, Luật Trẻ em năm 2016 quy định: Bảo vệ trẻ em phải bảo đảm tính hệ thống, tính liên tục, có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em. Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em. Việc bảo vệ trẻ em phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy trình, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em phải được cung cấp thông tin, được tham gia ý kiến với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong

việc ra quyết định can thiệp, hỗ trợ để bảo vệ trẻ em (Điều 47 Luật Trẻ em năm 2016). Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi đến cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan lao động - thương binh và xã hội, cơ quan công an các cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác; phối hợp xác minh, đánh giá, điều tra về hành vi xâm hại, tình trạng mất an toàn hoặc gây tổn hại, mức độ nguy cơ gây tổn hại đối với trẻ em (Điều 51 Luật Trẻ em năm 2016). Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em để tổ chức xây dựng, phê duyệt, triển khai kế hoạch hỗ trợ, can thiệp; bố trí nguồn lực, phân công cá nhân, tổ chức thực hiện, phối hợp thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch. Đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em; trẻ em bị xâm hại nhưng cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em từ chối thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế (Điều 52 Luật Trẻ em năm 2016 và Điều 32 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP). Trong quá trình tố tụng, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, xã hội, y tế, giáo dục và các nguồn trợ giúp khác; tìm hiểu, cung cấp thông

tin về hoàn cảnh cá nhân và gia đình của trẻ em cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; tham gia vào quá trình tố tụng, có liên quan đến trẻ em theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng... (Điều 72 Luật Trẻ em năm 2016).

2.3. Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011

Trẻ em (bao gồm cả trẻ em nữ và trẻ em nam) là một trong những nhóm đối tượng rất dễ trở thành nạn nhân của buôn bán người. Trẻ em gái có thể bị bán để làm gái mại dâm, trẻ em trai có thể bị bán để nhằm mục đích bóc lột sức lao động hoặc một hình thức kinh doanh sinh lời nào khác. Nạn nhân bị mua bán được hưởng các chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, chi phí đi lại, chăm sóc y tế, hỗ trợ tâm lý, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ học văn hóa, học nghề và trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

2.4. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định nạn nhân bạo lực gia đình được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình; yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, cấm tiếp xúc theo quy định của Luật này; được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, pháp luật; được bố trí nơi tạm lánh, được giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin khác theo quy định của Luật này. Luật cũng quy định Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở cho các thành viên trong cộng đồng dân cư để phòng ngừa bạo lực gia đình (Điều 16). Nạn nhân bạo lực gia đình được tư vấn về chăm sóc sức khỏe, ứng xử trong gia đình, pháp luật và tâm lý để giải quyết tình trạng bạo lực gia đình và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở bảo

trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cá nhân hoặc tổ chức trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện việc tư vấn phù hợp cho nạn nhân bạo lực gia đình. Luật cũng quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan trong việc tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân bị bạo lực gia đình; trách nhiệm phối hợp của lực lượng công an, kiểm sát, Tòa án nhằm cung cấp các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân.

Như vậy, khi xây dựng một mô hình thủ tục tố tụng thân thiện, các nhà làm luật đã chú trọng “thiết kế” những quy định thể hiện được vai trò của công tác xã hội trong việc bảo đảm quyền của bị hại là trẻ em trong vụ án hình sự. Đây được coi là một tiến bộ vượt bậc phù hợp với hướng dẫn của quốc tế, góp phần tạo ra các điều kiện để bảo đảm một cách tốt nhất quyền của bị hại là trẻ em.

3. Hoàn thiện quy định của pháp luật hiện hành đối với việc bảo đảm quyền của bị hại là trẻ em trong vụ án hình sự qua công tác xã hội

Mặc dù, pháp luật Việt Nam đã có nhiều quy định về công tác xã hội đối với việc bảo đảm quyền của bị hại trong vụ án hình sự nhưng những quy định này chưa thực sự được thống nhất trong từng chuyên ngành, thay vào đó, lại nằm rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Điều này gây khó khăn không chỉ cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà chính bị hại, gia đình bị hại, thậm chí là những người làm công tác xã hội gặp khó khăn khi tra cứu, áp dụng. Mặt khác, các quy định này có tính bao quát, một số nội dung cần thiết phải quy định chi tiết hơn, mang tính chuyên ngành hơn nhưng chưa được đề cập đến. Tác giả cho rằng, để công tác xã hội phát huy tối đa vai trò của mình đối

với việc bảo đảm quyền của bị hại là trẻ em trong vụ án hình sự, pháp luật tố tụng hình sự cần có những hướng dẫn chi tiết hơn trong các văn bản dưới luật. Để giải quyết thực trạng này, tác giả có một số đề xuất như sau:

Thứ nhất, mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác có quyền tham gia tố tụng nhưng lại không xác định họ thuộc nhóm người tham gia tố tụng, vì vậy, quy định về quyền và nghĩa vụ của họ chưa được xác lập cụ thể, rõ ràng. Quyền và nghĩa vụ của họ mới chỉ được xác định một cách chung chung: “Thầy giáo, cô giáo, đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án” (Điều 420). Để phát huy vai trò của công tác xã hội nhằm bảo đảm tốt hơn quyền của trẻ em nói chung và trẻ em là bị hại nói riêng, cần xác định chủ thể đại diện cho lĩnh vực công tác xã hội là người tham gia tố tụng. Hiện nay, dự thảo Luật Công tác xã hội cũng đã đề cập đến hai chủ thể là người hành nghề công tác xã hội và người làm công tác xã hội. Người hành nghề công tác xã hội là người làm công tác xã hội, được đào tạo và có kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về công tác xã hội; được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật. Người làm công tác xã hội là người làm một hoặc nhiều hoạt động của công tác xã hội. Theo tác giả, nên bổ sung cả hai chủ thể này là người tham gia tố tụng. Bộ luật Tố tụng hình sự cần quy định rõ quyền của họ khi tham gia tố tụng hình sự để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Bên cạnh đó, việc quy định nghĩa vụ cụ thể cho họ cũng có ý nghĩa ràng buộc, đảm bảo cho họ thực hiện công việc theo đúng chức

trách của mình.

Thứ hai, cần có hướng dẫn cụ thể và linh hoạt để xác định chính xác thời điểm và những trường hợp cần thiết để người làm công tác xã hội, người hành nghề công tác xã hội tham gia tố tụng. Mặc dù, pháp luật tố tụng hình sự đã có quy định chi tiết về người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong vụ án có người dưới 18 tuổi là những người có kinh nghiệm, được đào tạo, bồi dưỡng có hiểu biết về tâm lý vị thành niên; tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, bị hại là trẻ em sẽ có cảm giác an toàn hơn khi được tiếp xúc với người làm công tác xã hội hoặc người hành nghề công tác xã hội. Vì vậy, theo tác giả, hai chủ thể này sẽ tham gia tố tụng trong hai trường hợp: (i) Khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xét thấy cần thiết hoặc (ii) Khi bị hại hoặc gia đình bị hại là trẻ em có yêu cầu. Bên cạnh đó, hướng dẫn cũng cần chỉ rõ người hành nghề công tác xã hội hoặc người làm nghề công tác xã hội có thể bị thay đổi. Tuy nhiên, việc thay đổi chỉ được thực hiện khi họ không thực hiện đúng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật (có thái độ cản trở hoạt động tư pháp, không còn đủ điều kiện để hỗ trợ cho bị hại là trẻ em...). Việc thay đổi không nên tùy tiện, bởi vì, các chủ thể này cần có thời gian để làm quen với trẻ, đôi khi mất rất nhiều thời gian trẻ mới có thể tin tưởng và cung cấp thông tin cần thiết để giải quyết vụ án cho họ.

Thứ ba, cần bổ sung chế tài đối với người hành nghề công tác xã hội, người làm nghề công tác xã hội. Tùy thuộc vào thiệt hại thực tế đã gây ra, mức chế tài mà họ phải chịu có thể là xử phạt hành chính hoặc chịu trách nhiệm hình sự.

Thứ tư, cần có chính sách phát triển mô hình dịch vụ công tác xã hội để bị hại là trẻ em có thể được hưởng dịch vụ tốt hơn. Hiện nay, các dịch vụ

công tác xã hội trong hỗ trợ đối tượng là người vi phạm pháp luật và người là nạn nhân của các hành vi vi phạm, đặc biệt là người chưa thành niên mới chỉ dừng ở mức độ các dịch vụ hỗ trợ được cả đội ngũ chuyên nghiệp được đào tạo và không chuyên (cộng tác viên công tác xã hội/bảo vệ trẻ em tại cộng đồng) thực hiện, nên chưa thực sự bảo đảm tính chuyên nghiệp. Chính vì vậy, chất lượng và hiệu quả can thiệp của công tác xã hội trong lĩnh vực tư pháp còn rất hạn chế và cần có các quy định về pháp lý, chính

sách và cơ chế phát triển dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực này⁴.

Thứ năm, khi đã có đầy đủ khung pháp lý để bảo đảm quyền của trẻ em là bị hại trong vụ án hình sự, cần trang bị cho trẻ kiến thức để có khả năng nhận diện được những tình huống, sự việc có nguy cơ xâm hại cho mình kết hợp giáo dục kỹ năng sống để trẻ em trước hết có thể tự bảo vệ mình; các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cần có hướng dẫn cụ thể, dễ hiểu □

-
1. Hiệp hội các Quốc gia nhân viên xã hội của Mỹ (NASW - 1970).
 2. Lê Thị Vân Anh, Chính sách pháp luật về công tác xã hội trong lĩnh vực tư pháp, Kỳ yếu Hội thảo khoa học: Hoàn thiện chính sách pháp luật, công tác xã hội trong lĩnh vực tư pháp, 2022, tr. 39.
 3. UNODC, *Commentary on the Model Law on Justice in Matters Involving Child Victims and Witnesses of Crime*, 2009, Article 13.
 4. Lê Thị Vân Anh, Chính sách pháp luật về công tác xã hội trong lĩnh vực tư pháp, Kỳ yếu Hội thảo khoa học: Hoàn thiện chính sách pháp luật, công tác xã hội trong lĩnh vực tư pháp, 2022, tr. 48.
-

Hoàn thiện pháp luật về...

(Tiếp theo trang 12)

5. Phụ lục IA, phụ lục IIA và phụ lục IIIA ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.
6. Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2015.
7. Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.
8. Trung tâm Trọng tài quốc tế (VIAC), “Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp năm 2022”, <https://www.viac.vn/thong-ke/thong-ke-hoat-dong-giai-quyet-tranh-chap-nam-2022-s40.html>, truy cập ngày 06/3/2024.
9. Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao, <https://capcaodanang.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND284234>, truy cập ngày 06/3/2024.
10. Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao, Thống kê công bố bản án các Tòa án năm 2022, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/6tatcvn/Thong-ke>, truy cập ngày 07/3/2024.
11. Trần Văn Biên (2023), Hợp đồng thương mại vô hiệu theo pháp luật Việt Nam, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Hòa Bình, Số 07, Tháng 3/2023.
12. Điều 31 Luật Doanh nghiệp năm 2020.